

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Lâm Quang Lượng	Thành viên
Ông Đặng Quang Linh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Toàn	Giám đốc
-------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Số: 1700/2010/BCKT-IFC-ACAGroup 1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Xây Dựng Việt Thành
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Thành

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Thành (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 17 tháng 5 năm 2010 từ trang 4 đến trang 13 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

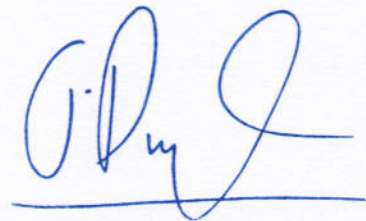
Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hành hành và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Lê Xuân Thắng
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Ngày 17 tháng 5 năm 2010



Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.693.784.593	1.292.101.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.849.002	35.039.649
1. Tiền	111		89.849.002	35.039.649
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.592.262	491.926.191
1. Phải thu khách hàng	131		384.092.262	481.164.827
2. Trả trước cho người bán	132		-	4.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135		16.500.000	6.761.364
III. Hàng tồn kho	140		1.203.343.329	765.135.971
1. Hàng tồn kho	141	5	1.203.343.329	765.135.971
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		214.686.247	246.220.763
I. Tài sản cố định	220		158.101.996	221.735.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	158.101.996	221.735.138
- Nguyên giá	222		347.560.925	334.419.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.458.929)	(112.683.882)
II. Tài sản dài hạn khác	260		56.584.251	24.485.625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		56.584.251	24.485.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.908.470.840	1.538.322.574

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.051.858.150	710.397.027
I. Nợ ngắn hạn	310		1.051.858.150	710.397.027
3. Người mua trả tiền trước	313		988.030.680	630.187.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7	30.409.418	42.486.106
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		33.418.052	37.723.921
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		856.612.690	827.925.547
I. Vốn chủ sở hữu	410	8	856.612.690	827.925.547
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		780.000.000	780.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		76.612.690	47.925.547
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.908.470.840	1.538.322.574



Phan Văn Toàn
Phan Văn Toàn
Giám đốc
Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Bùi Quốc Dũng
Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9	1.134.402.842	1.328.351.135
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		1.134.402.842	1.328.351.135
4. Giá vốn hàng bán	11	10	740.419.538	1.004.206.841
5. Lợi nhuận gộp	20		393.983.304	324.144.294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.537.998	506.420
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		358.862.683	318.871.059
10. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		36.658.619	5.779.655
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.658.619	5.779.655
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11	7.971.476	5.236.449
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.687.143	543.206



Phan Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.379.912.522	1.515.474.861
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(18.748.800)	(64.930.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.216.754.218)	(1.383.576.906)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.039.470)	(3.975.516)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	249.378.850	125.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.324.335.624)	(393.017.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.413.260	(329.900.816)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(13.141.905)	(29.159.650)
7. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.537.998	506.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.603.907)	(28.653.230)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	202.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(202.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	54.809.353	(358.554.046)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.039.649	393.593.695
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	89.849.002	35.039.649



Phan Văn Toàn
Giám đốc
Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Thành (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty cổ phần thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41003002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 8 năm 2004, và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3 tỷ đồng, tổng số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp là 78.000 cổ phần với giá trị là 780 triệu đồng, số cổ phần còn được quyền chào bán là 222.000 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 115/7P, Đường Nguyễn Kiệm, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng, thiết bị máy móc phục vụ ngành xây dựng và công nghiệp;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy móc phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- San lấp mặt bằng;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình, tư vấn đầu tư, xây dựng, thiết kế công trình giao thông, thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; và
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, mua bán, cho thuê thiết bị thí nghiệm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm giá trị của dịch vụ cung cấp dở dang cho khách hàng được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí lao động trực tiếp và chi phí khác liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của dịch vụ cung cấp dở dang được xác định dựa trên tỷ lệ sản lượng được ghi nhận của chi phí thực tế phát sinh liên quan đến cung cấp dịch vụ. Tỷ lệ sản lượng được tính dựa trên sản lượng đã ghi nhận thực tế và tổng sản lượng giá trị hợp đồng đã thực hiện.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc và thiết bị

Số năm
3 - 5

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa 2 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp, khi kết quả thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác định bởi khách hàng, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Thu nhập từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	15.321.759	5.812.922
Tiền gửi ngân hàng	<u>74.527.243</u>	<u>29.226.727</u>
	<u>89.849.002</u>	<u>35.039.649</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>1.203.343.329</u>	<u>765.135.971</u>
	<u>1.203.343.329</u>	<u>765.135.971</u>

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc thiết bị</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	334.419.020
Tăng trong năm	<u>13.141.905</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>347.560.925</u>
KHẤU HAO LUỸ KẾ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	112.683.882
Trích khấu hao trong năm	<u>76.775.047</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>189.458.929</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>221.735.138</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>158.101.996</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	22.553.763	40.387.367
Thuế thu nhập cá nhân	824.910	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>7.030.745</u>	<u>2.098.739</u>
	<u>30.409.418</u>	<u>42.486.106</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2008	780.000.000	47.382.341	827.382.341
Lợi nhuận trong năm	-	543.206	543.206
Tại ngày 01/01/2009	780.000.000	47.925.547	827.925.547
Lợi nhuận trong năm	-	28.687.143	28.687.143
Tại ngày 31/12/2009	780.000.000	76.612.690	856.612.690

9. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2009 VND	2008 VND
Doanh thu hoạt động giám sát	376.912.528	116.589.401
Doanh thu hoạt động thí nghiệm	757.490.314	1.211.761.734
	1.134.402.842	1.328.351.135

10. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 VND	2008 VND
Giá vốn hoạt động giám sát	328.117.553	84.706.929
Doanh thu hoạt động thí nghiệm	412.301.985	919.499.912
	740.419.538	1.004.206.841

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	36.658.619	5.779.655
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.892.675	12.921.950
Lợi nhuận sau thuế	45.551.294	18.701.605
Thuế suất thông thường	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.387.823	5.236.449
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	3.416.347	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.971.476	5.236.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 02 tháng 04 năm 2010, thông qua biên bản họp Đại hội Cổ đông bất thường số 01/BB.HĐCĐ2010 được ký cùng ngày, đã chấp thuận cho việc ông Lê Mạnh Hùng, CMND số 023312584 cấp ngày 14/03/2009 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh, mua 222.000 cổ phần được quyền chào bán tương ứng giá trị là 2.220.000.000 đồng.

13. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.



Phan Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 5 năm 2009

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

VIỆT THÀNH